

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 06/2002/TT-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2002

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 91/2001/NĐ-CP ngày 11/12/2001 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh một số ngành, nghề giao thông vận tải đường thủy nội địa.

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 91/2001/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh một số ngành, nghề giao thông vận tải đường thủy nội địa (sau đây gọi tắt là Nghị định), Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định như sau:

A. Hướng dẫn khoản 4 Điều 4 về thực hiện việc đăng ký với cơ quan quản lý giao thông vận tải có thẩm quyền về tuyến hoạt động và phương án kinh doanh đối với hình thức vận tải theo tuyến cố định hoặc về khu vực hoạt động đối với hình thức vận tải không theo tuyến cố định.

I. Thủ tục đăng ký tuyến hoặc khu vực hoạt động.

1. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành, nghề vận tải hành khách đường thủy nội địa, tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định hoặc kinh doanh vận tải hành khách không theo tuyến cố định (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách) phải làm thủ tục đăng ký tuyến hoặc khu vực hoạt động kinh doanh tại cơ quan quản lý giao thông vận tải có thẩm quyền quy định tại Mục II Phần A của Thông tư này.

2. Nội dung đăng ký tuyến hoặc khu vực hoạt động:

a) Đối với kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định:

Số lượng các tuyến hoạt động phù hợp với những tuyến đường thủy nội địa đã được tổ chức quản lý công bố khai thác;

Số lượng phương tiện, số đăng ký của từng phương tiện hoạt động trên mỗi tuyến;

Các cảng, bến đón, trả hành khách trên mỗi tuyến;

Biểu đồ vận hành trên mỗi tuyến: số chuyến/ngày (tuần), thời điểm khởi hành và kết thúc của từng chuyến;

Giá cước vận tải trên mỗi tuyến;

Thời hạn hoạt động.

b) Đối với kinh doanh vận tải hành khách không theo tuyến cố định:

Khu vực hoạt động;

Số lượng phương tiện số đăng ký của từng phương tiện hoạt động trên mỗi khu vực;

Các cảng, bến đón, trả hành khách tại mỗi khu vực;

Thời hạn hoạt động.

3. Giấy tờ phải xuất trình và nộp:

a) Xuất trình bản gốc các giấy tờ sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa hoặc giấy tờ thay thế theo quy định khi cầm cố, thế chấp phương tiện đó;

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật phương tiện thủy nội địa;

Danh bạ thuyền viên, kèm theo bằng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên.

b) Nộp các giấy tờ sau:

Bản sao các giấy tờ quy định tại tiết a điểm 3;

Bản đăng ký hoạt động kinh doanh vận tải hành khách đường thủy nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 và 2.

4. Khi nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm 3 Mục 1 Phần A này, trong thời hạn không quá 1 ngày làm việc, cơ quan quản lý giao thông vận tải có thẩm quyền xác nhận vào bản Đăng ký hoạt động kinh doanh vận tải hành khách đường thủy nội địa, lưu lại một bản sao để theo dõi, quản lý và trả lại bản chính để tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách hoạt động theo nội dung đã đăng ký.

II. Cơ quan quản lý giao thông vận tải có thẩm quyền.

1. Cục Đường sông Việt Nam xác nhận việc đăng ký tuyến hoặc khu vực hoạt động kinh doanh vận tải hành khách của tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trên các tuyến đường thủy nội địa trung ương, vận tải qua biên giới từ Bình Thuận trở ra phía Bắc.

Chi cục Đường sông phía Nam xác nhận việc đăng ký tuyến hoặc khu vực hoạt động kinh doanh vận tải hành khách của tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trên các tuyến đường thủy nội địa trung ương, vận tải qua biên giới từ Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu trở vào.

2. Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính xác nhận việc đăng ký tuyến hoặc khu vực hoạt động kinh doanh vận tải hành khách của các tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh tại địa phương ngoài đối tượng quy định tại điểm 1 Mục II Phần A này.